

**PHỤ LỤC I**  
**PHÂN CÔNG THEO DỐI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG TẠI HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG THÁP**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/QĐ-TTg**  
*(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND-HC ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

| STT | NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP TRONG<br>HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH                                                                                                                                                            | ĐƠN VỊ<br>CHỦ TRÌ            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1.  | Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.                                                                                                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| 2.  | Phương án phát triển nông, lâm nghiệp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                  | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| 3.  | Phương án phát triển thủy sản trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                          | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| 4.  | Phương án phát triển ngành công nghiệp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                 | Sở Công Thương               |
| 5.  | Phương án phát triển ngành thương mại, kinh tế biên giới, các ngành dịch vụ, sản xuất kinh doanh và phát triển dịch vụ logistic trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.                       | Sở Công Thương               |
| 6.  | Phương án phát triển ngành khoa học, công nghệ trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                         | Sở Khoa học và Công nghệ     |
| 7.  | Phương án phát triển tổng thể về năng lượng, điện lực trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                  | Sở Công Thương               |
| 8.  | Phương án phát triển thủy lợi, đê điều, phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Nông nghiệp và Môi trường |
| 9.  | Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường |

| <b>STT</b> | <b>NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP TRONG<br/>HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH</b>                                                                                                                                                                                    | <b>ĐƠN VỊ<br/>CHỦ TRÌ</b>       |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 10.        | Phương án phát triển hệ thống y tế trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                    | Sở Y tế                         |
| 11.        | Phương án hỗ trợ và phát triển hệ thống doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                | Sở Tài chính                    |
| 12.        | Phương án phát triển vận tải và kết nối hạ tầng logistics trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                             | Sở Xây dựng                     |
| 13.        | Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề truyền thống trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                   | Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh    |
| 14.        | Phương án phát triển ngành du lịch trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 15.        | Phương án phát triển mạng lưới và kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                   | Sở Xây dựng                     |
| 16.        | Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                       | Sở Xây dựng                     |
| 17.        | Phương án phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước; xử lý nước thải, chống ngập lụt, nghĩa trang và quản lý chất thải rắn thông thường tại các đô thị, khu vực dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Sở Xây dựng                     |
| 18.        | Phương án phát triển ngành thông tin và truyền thông trong Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                         | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 19.        | Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính trong quy hoạch tỉnh                                                                                                                         | Sở Nông nghiệp và Môi trường    |

| STT | NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP TRONG<br>HỒ SƠ QUY HOẠCH TỈNH                                                                | ĐƠN VỊ<br>CHỦ TRÌ                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 20. | Phương án phát triển ngành giáo dục, đào tạo trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050               | Sở Giáo dục Đào tạo                                                            |
| 21. | Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050           | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch                                                 |
| 22. | Phương án phát triển ngành lao động, thương binh và xã hội trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo,<br>Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và<br>Môi trường |

*Ghi chú: Trên cơ sở các nội dung tại Phụ lục này, các đơn vị chủ trì phân công các đơn vị trực thuộc trong Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của đơn vị mình để:*

*(1) Theo dõi triển khai thực hiện các nội dung, phương án phát triển ngành, lĩnh vực;*

*(2) Phối hợp với Sở Tài chính thường xuyên rà soát, cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu bản đồ, sơ đồ Quy hoạch tỉnh theo quy định pháp luật.*

**PHỤ LỤC II**  
**PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ TẠI**  
**QUYẾT ĐỊNH SỐ 39/QĐ-TTG NGÀY 11/01/2024 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
*(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND-HC ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

| STT       | Mục tiêu chỉ tiêu                                                        | Đơn vị        | Mục tiêu đến năm 2030 | Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện theo dõi, đánh giá             |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Các mục tiêu kinh tế</b>                                              |               |                       |                                                                    |
| 1         | Tốc độ tăng GRDP bình quân<br>(Giai đoạn 2026 – 2030)                    | %/năm         | 10,5                  | Sở Tài chính phối hợp<br>Chi cục Thống kê                          |
| 2         | Cơ cấu các ngành kinh tế trong                                           |               |                       |                                                                    |
| -         | Nông, lâm nghiệp và thủy sản                                             | %             | 26,00                 |                                                                    |
| -         | Công nghiệp xây dựng                                                     | %             | 24,63                 |                                                                    |
| -         | Thương mại, dịch vụ                                                      | %             | 44,05                 |                                                                    |
| -         | Thuế sản phẩm                                                            | %             | 5,33                  |                                                                    |
| 3         | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của thời kỳ<br>(Giai đoạn 2026 – 2030)       | Nghìn tỷ đồng | 321,553               |                                                                    |
| 4         | GRDP bình quân đầu người                                                 | Triệu đồng    | 145                   |                                                                    |
| 5         | Thu ngân sách                                                            | Nghìn tỷ đồng | 15,4                  | Sở Tài chính                                                       |
| 6         | Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP                                           | %             | ≥10                   | Sở Khoa học và Công nghệ<br>phối hợp với Chi cục Thống kê          |
| 7         | Tỷ lệ đóng góp của năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế (TFP/GRDP) | %             | ≥55                   | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ                             |
| <b>II</b> | <b>Các mục tiêu, xã hội</b>                                              |               |                       |                                                                    |
| 8         | Tốc độ tăng trưởng dân số bình quân                                      | %             | 0,6 – 1,2             | Sở Y tế                                                            |
| 9         | Tuổi thọ trung bình                                                      | Tuổi          | ≥ 75                  | Sở Y tế phối hợp với<br>Chi cục Thống kê                           |
| 10        | Chỉ tiêu phát triển con người (HDI)                                      |               | ≥ 0,75                | Chi cục Thống kê <i>(trên cơ sở số liệu Cục Thống kê cung cấp)</i> |

|            |                                                                             |         |                    |                                                                  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------|------------------------------------------------------------------|
| 11         | Số lượt giải quyết việc làm cho người lao động hàng năm                     | Người   | 30.000             | Sở Nội vụ                                                        |
| 12         | Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động               | %       | 60                 |                                                                  |
| 13         | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế                                      | %       | ≥ 95               | Sở Y tế                                                          |
| 14         | Tỷ lệ hộ nghèo                                                              | %       | Không còn hộ nghèo | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                     |
| 15         | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                                                  | %       | 85                 | Sở Giáo dục và Đào tạo                                           |
|            | Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề                                   | %       | 65                 |                                                                  |
| 16         | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia                                             | %       |                    |                                                                  |
| -          | Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia                                     | %       | 75,0               |                                                                  |
| -          | Tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia                                    | %       | 75,0               |                                                                  |
| -          | Tỷ lệ trường THCS đạt chuẩn quốc gia                                        | %       | 80,0               |                                                                  |
| -          | Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia                                        | %       | 90,0               | Sở Y tế                                                          |
| 17         | Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi                       | %       | 13,45              |                                                                  |
| 18         | Số giường bệnh trên vạn dân                                                 | Giường  | 35                 |                                                                  |
| 19         | Số bác sĩ trên vạn dân                                                      | Bác sĩ  | 15                 |                                                                  |
| 20         | Tỷ lệ di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng được tu bổ tôn tạo           | %       | 80                 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                  |
| 21         | Số di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt tăng thêm                        | Di tích | 01                 |                                                                  |
| <b>III</b> | <b>Các mục tiêu về môi trường</b>                                           |         |                    |                                                                  |
| 22         | Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý ở khu vực đô thị                     | %       | 98                 | Sở Nông nghiệp và Môi trường<br>phối hợp Ban Quản lý Khu Kinh tế |
| 23         | Tỷ lệ khu công nghiệp cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung | %       | 100                |                                                                  |

|           |                                                                                          |        |         |                                                            |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------|------------------------------------------------------------|
| 24        | Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định | %      |         | Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường                  |
| -         | Đô thị loại II trở lên                                                                   | %      | > 50    |                                                            |
| -         | Các đô thị còn lại                                                                       | %      | > 50    |                                                            |
| <b>IV</b> | <b>Các mục tiêu về hạ tầng công nghệ; đô thị, nông thôn</b>                              |        |         |                                                            |
| 25        | Xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC)                                     | đô thị | 3       | Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các địa phương |
| 26        | Xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị                                       | đô thị | 3       |                                                            |
| 27        | Tỉnh Đồng Tháp hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới                                |        | Đạt     |                                                            |
| 28        | Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn              | %      | 99      | Sở Nông nghiệp và Môi trường                               |
| 29        | Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung              | %      | 99,9    | Sở Xây dựng                                                |
| 30        | Tỷ lệ đô thị hóa                                                                         | %      | 42      |                                                            |
| 31        | Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị                                            | %      | 11 – 16 | Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường                  |
| <b>V</b>  | <b>Về quốc phòng - An ninh trật tự, an toàn xã hội</b>                                   |        |         |                                                            |
| 32        | Tội phạm về trật tự xã hội                                                               | %/năm  | Giảm 5% | Công an Tỉnh                                               |
| 33        | Tỷ lệ điều tra khám phá vụ tội phạm                                                      | %/năm  | 75      | Công an Tỉnh                                               |

*Ghi chú: Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu được phân công tại Phụ lục này các đơn vị chủ trì xác định lộ trình thực hiện, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra và phân công các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện trong Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của đơn vị mình.*

**PHỤ LỤC III**  
**PHÂN CÔNG QUẢN LÝ THAM MƯU TRIỂN KHAI CÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN**  
**VÀ CÁC QUY HOẠCH KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND-HC ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

| STT       | Loại quy hoạch                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị chủ trì                                   |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN</b>                                                                                                                                                                             |                                                  |
| 1         | Quy hoạch đô thị (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024)                                                                                                                                                   | Sở Xây dựng, chính quyền cấp cơ sở theo phân cấp |
| 2         | Quy hoạch nông thôn (Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024)                                                                                                                                                |                                                  |
| <b>II</b> | <b>QUY HOẠCH CÓ TÍNH CHẤT KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH THEO PHỤ LỤC II, LUẬT QUY HOẠCH</b>                                                                                                                              |                                                  |
| 1         | Các loại quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của địa phương                                                                                                                                                     |                                                  |
| -         | Quy hoạch sử dụng đất các cấp (theo Luật Đất đai năm 2024 và các quy định điều chỉnh khác)                                                                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường                     |
| -         | Quy hoạch, bảo quản tu bổ, phục hồi di tích (theo Nghị định số 166/2018/NĐ-CP).                                                                                                                                  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                  |
| -         | Quy hoạch khảo cổ (theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009)                                                                                                                      | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                  |
| -         | Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh (theo điều 57 Luật Quy hoạch năm 2017 về sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014)                                                            | Sở Giáo dục và Đào tạo                           |
| -         | Quy hoạch quảng cáo ngoài trời (Theo Luật Quảng cáo năm 2012)                                                                                                                                                    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                  |
| -         | Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp                                                                                                                                       | Sở Khoa học và Công nghệ                         |
| 2         | Các quy hoạch chưa rõ thẩm quyền lập hoặc chưa có hướng dẫn lập (Các sở chủ trì phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành dọc khi có lực sửa đổi hoặc văn bản hướng dẫn để tham mưu UBND tỉnh thực hiện theo quy định) |                                                  |
| -         | Quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023)                                                                                                                          | Sở Y tế                                          |
| -         | Quy hoạch phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông công cộng (theo Luật Bưu chính năm 2010)                                                                                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ                         |

Ghi chú: Căn cứ các quy định pháp luật chuyên ngành đối với các loại quy hoạch tại Phụ lục này, các đơn vị chủ trì xác định cụ thể Danh mục các quy hoạch được thực hiện trên địa bàn tỉnh trong Kế hoạch triển khai Chương trình hành

*động của đơn vị mình, trong đó (1) Đối với các quy hoạch đã được phê duyệt: Phân công các đơn vị trực thuộc quản lý, triển khai, rà soát, điều chỉnh (nếu cần thiết) theo yêu cầu phát triển của từng thời kỳ (2) đối với các quy hoạch đã được phép lập mới theo quy định của pháp luật: Dự kiến thời gian tổ chức lập các quy hoạch theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với yêu cầu về quản lý nhà nước và khả năng cân đối các nguồn lực thực hiện.*

**PHỤ LỤC IV**  
**PHÂN CÔNG THEO DỐI TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ CÁC QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA,**  
**QUY HOẠCH VÙNG VÀ CÁC QUY HOẠCH KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH**  
**(DO BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG LẬP) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND-HC ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

| STT      | Tên quy hoạch                                                                                | Quyết định phê duyệt                        | Đơn vị quản lý theo ngành, lĩnh vực         |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>QUY HOẠCH CẤP QUỐC GIA VÀ QUY HOẠCH VÙNG</b>                                              |                                             |                                             |
| 1.       | Quy hoạch tổng thể quốc gia                                                                  | Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023  | Sở Tài chính và các sở, ngành theo lĩnh vực |
| 2.       | Quy hoạch Vùng đồng bằng sông Cửu Long                                                       | Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022    |                                             |
| 3.       | Quy hoạch sử dụng đất quốc gia                                                               | Nghị quyết số 39/2021/QH 15 ngày 13/11/2021 | Sở Nông nghiệp và Môi trường                |
| 4.       | Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản                                             | Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/ 6/2023    |                                             |
| 5.       | Quy hoạch tài nguyên nước                                                                    | Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022   |                                             |
| 6.       | Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.                                        | Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 8/4/2024      |                                             |
| 7.       | Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia                                                         | Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024     |                                             |
| 8.       | Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học                                                  | Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024   |                                             |
| 9.       | Quy hoạch, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản                       | Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 19/7/2023     |                                             |
| 10.      | Quy hoạch, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng | Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023   |                                             |
| 11.      | Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn                                                       | Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024     | Sở Xây dựng                                 |
| 12.      | Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia                                                    | Quyết định số 893 /QĐ-TTg ngày 26/7/2023    | Sở Công Thương                              |
| 13.      | Quy hoạch phát triển điện lực                                                                | Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023     |                                             |
| 14.      | Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt                                         | Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023     |                                             |
| 15.      | Quy hoạch mạng lưới đường bộ                                                                 | Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021    | Sở Xây dựng                                 |
| 16.      | Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển                                             | Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021    |                                             |

|     |                                                                                                                                  |                                                        |                                                          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 17. | Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay                                                                  | Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023                |                                                          |
| 18. | Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa                                                                                     | Quyết định số 1829/QĐ-TTg, ngày 31/10/2021             |                                                          |
| 19. | Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi                                                                                      | Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023                | Sở Nông nghiệp và Môi trường                             |
| 20. | Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản                                                                                 | Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024                |                                                          |
| 21. | Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia                                                                                                    | Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024                |                                                          |
| 22. | Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng điều dưỡng người có công với cách mạng                                                | Quyết định số 1007/QĐ-TTg ngày 31/8/2023               | Sở Y tế                                                  |
| 23. | Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội                                                                                        | Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023                |                                                          |
| 24. | Quy hoạch mạng lưới các cơ sở y tế                                                                                               | Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024               |                                                          |
| 25. | Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp                                                                                   | Quyết định số 73/QĐ-TTg Ngày 10/02/2023                | Sở Giáo dục và Đào tạo                                   |
| 26. | Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm                                                                            | Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025               |                                                          |
| 27. | Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập | Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 27/02/2025               |                                                          |
| 28. | Quy hoạch hệ thống du lịch                                                                                                       | Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024                | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                          |
| 29. | Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản                          | Đang lập theo quyết định số 1321/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 |                                                          |
| 30. | Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao                                                                                    | Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024                |                                                          |
| 31. | Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập                                                                       | Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024                | Sở Khoa học và Công nghệ                                 |
| 32. | Quy hoạch, hạ tầng, thông tin và truyền thông                                                                                    | Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024                |                                                          |
| 33. | Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia                                                                                  | Đang lập theo Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018  | Sở Tài chính phối hợp Chi cục Dự trữ Nhà nước Khu vực XV |
| 34. | Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy                                                                                        | Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023                | Công an tỉnh                                             |
| 35. | Quy hoạch sử dụng đất an ninh                                                                                                    | Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023                |                                                          |
| 36. | Quy hoạch công nghiệp an ninh                                                                                                    | Chuẩn bị lập theo Luật số 38/2024/QH15                 |                                                          |
| 37. | Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng                                                                                                 | Theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước                |                                                          |

|           |                                                                                                                      |                                                                                                                      |                                       |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 38.       | Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược                                              |                                                                                                                      | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh               |
| 39.       | Quy hoạch công nghiệp quốc phòng                                                                                     | Chuẩn bị lập theo Luật số 38/2024/QH15                                                                               |                                       |
| 40.       | Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh                                                          | Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05/12/2023                                                                            | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an Tỉnh |
| <b>II</b> | <b>QUY HOẠCH CÓ TÍNH CHẤT KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH (DO CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG LẬP) THEO PHỤ LỤC II LUẬT QUY HOẠCH</b> |                                                                                                                      |                                       |
| 1.        | Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia                                                                     | Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024                                                                              | Sở Nông nghiệp và Môi trường          |
| 2.        | Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước                                                                   | Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24/3/2021                                                                              |                                       |
| 3.        | Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh                                                                            | Chuẩn bị lập theo nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024                                                          |                                       |
| 4.        | Quy hoạch bảo vệ, khai thác sử dụng nguồn nước liên quốc gia                                                         | Nếu có, căn cứ Luật số 28/2023/QH15                                                                                  |                                       |
| 5.        | Quy hoạch thủy lợi, đề điều phòng chống lũ của tuyến sông có đề                                                      | Nếu có, căn cứ các Luật số 35/2018/QH14, 08/2017/QH14, 79/2006/QH11 và các Nghị định số 53/2019/NĐ-CP, 05/2024/NĐ-CP |                                       |
| 6.        | Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai                                                    | Nếu có, căn cứ các Luật số 60/2020/QH14 và 33/2013/QH13                                                              | Văn phòng UBND Tỉnh                   |
| 7.        | Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia                                                | Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 14/10/2023                                                                            |                                       |
| 8.        | Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn                                                                               | Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023                                                                              |                                       |
| 9.        | Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng cầu cảng bến phao, khu nước vùng nước                                    | Đang lập theo Điều 2 Luật số 35/2018/QH14                                                                            | Sở Xây dựng                           |
| 10.       | Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất vùng nước cảng                                                                |                                                                                                                      |                                       |
| 11.       | Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ                                                                                   | Đang lập theo Quyết định số 36/QĐ-TTg Ngày 22/01/2021                                                                | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| 12.       | Quy hoạch phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử                                                                   | Đang lập theo Quyết định số 108/QĐ-TTg Ngày 22/01/2021                                                               |                                       |
| 13.       | Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia                                                                          | Các Quyết định số:<br>(1) 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013;                                                            |                                       |

|     |                                                                                           |                                                                            |                                                                      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                           | (2) 38/2021/QĐ-TTg ngày 29/12/2021;<br>(3) 15/2024/QĐ-TTg ngày 04/10/2024. |                                                                      |
| 14. | Quy hoạch băng tần, quy hoạch kênh tần số, quy hoạch sử dụng kênh tần số                  | Căn cứ các Luật số 42/2009/QH12;<br>09/2022/QH15 và 24/2023/QH15           |                                                                      |
| 15. | Quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch, tài nguyên internet                               |                                                                            |                                                                      |
| 16. | Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia                                          | Nếu có, căn cứ Luật số 22/2012/QH13                                        | Sở Tài chính<br>phối hợp Chi<br>cục Dự trữ Nhà<br>nước Khu vực<br>XV |
| 17. | Quy hoạch hệ thống cơ sở chỉnh hình phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật | Nếu có, căn cứ Luật số 51/2010/QH12                                        | Sở Y tế                                                              |
| 18. | Quy hoạch cơ sở chăm sóc người cao tuổi                                                   | Nếu có, căn cứ Luật số 39/2009/QH12                                        |                                                                      |
| 19. | Quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm của Nhà nước                                               | Nếu có                                                                     |                                                                      |

*Ghi chú : Trên cơ sở các quy hoạch tại Phụ lục này, các sở, ngành phân công các đơn vị trực thuộc:*

*(1) Theo dõi, triển khai đồng bộ các Quy hoạch/Kế hoạch thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh (đối với các quy hoạch đã được phê duyệt);*

*(2) Phối hợp với các bộ, ngành trung ương theo ngành dọc trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt khi có yêu cầu (đối với các quy hoạch chưa lập/chưa được phê duyệt) trong kế hoạch triển khai Chương trình hành động của đơn vị mình.*

**PHỤ LỤC V**  
**PHÂN CÔNG THAM MƯU VÀ TRIỂN KHAI MỘT SỐ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH,**  
**CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH VÀ LIÊN KẾT VÙNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND-HC ngày 24/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

| STT | Nhiệm vụ                                                                                                                                       | Thời gian<br>trình phê<br>duyet | Cấp phê duyệt       | Đơn vị chủ trì tham mưu         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------------------|
| 1.  | Lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045                                   | 2026                            | Thủ tướng Chính phủ | Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh    |
| 2.  | Đề án tổng thể “Xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”        | 5/2025                          | Thủ tướng Chính phủ | Sở Nông nghiệp và Môi trường    |
| 3.  | Rà soát Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030                                    | 2025                            | UBND Tỉnh           | Sở Nông nghiệp và Môi trường    |
| 4.  | Đề án phát triển du lịch, góp phần tạo dựng hình ảnh tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030                                                               | 2025                            | UBND Tỉnh           | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 5.  | Đề án phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045                                                                   | 2025                            | Thủ tướng Chính phủ | Sở Giáo dục và Đào tạo          |
| 6.  | Rà soát Đề án chuyển đổi số ngành giáo dục tỉnh Đồng Tháp                                                                                      | 2025                            | UBND Tỉnh           | Sở Giáo dục và Đào tạo          |
| 7.  | Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp                                                                     | 11/2025                         | UBND Tỉnh           | Sở Khoa học và Công nghệ        |
| 8.  | Rà soát Đề án Chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp (giai đoạn 2021 – 2025 và giai đoạn 2026 - 2030); Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn và hàng năm. | 2025                            | UBND Tỉnh           | Sở Khoa học và Công nghệ        |

| STT | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thời gian<br>trình phê<br>duyet | Cấp phê duyệt                          | Đơn vị chủ trì tham mưu  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|
| 9.  | Triển khai Kế hoạch Bình dân học vụ số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp                                                                                                                                                                                                                                                         | 5/2025                          | UBND Tỉnh                              | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 10. | Đề án sắp xếp đơn vị hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2025                            | Ủy ban Thường vụ<br>Quốc hội, Quốc hội | Sở Nội vụ                |
| 11. | Đề án tổng thể thực hiện ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông, cáp điện lực trong đô thị, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;<br>+ Kế hoạch ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông, cáp điện lực trong khu vực đô thị,<br>+ Kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông đồng bộ với các hạ tầng liên quan | 4/2025                          | UBND Tỉnh                              | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 12. | Triển khai thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                    | 2026                            | UBND Tỉnh                              | Sở Tài chính             |
| 13. | Kế hoạch triển khai chuyển đổi IPv6 only cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp                                                                                                                                                                                                                              | 2025                            | UBND Tỉnh                              | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 14. | Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2025                            | UBND Tỉnh                              | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 15. | Đề án Phát triển công nghiệp chế biến chuyên sâu kết hợp phát triển ngành công nghiệp chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050                                                                                                                                                                               | 4/2025                          | UBND Tỉnh                              | Sở Công Thương           |
| 16. | Đề án phát triển ngành Thương mại tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030                                                                                                                                                                                                                                     | 4/2025                          | UBND Tỉnh                              | Sở Công Thương           |

| STT | Nhiệm vụ                                                                                         | Thời gian<br>trình phê<br>duyet | Cấp phê duyệt | Đơn vị chủ trì tham mưu |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------|-------------------------|
| 17. | Đề án xuất khẩu các sản phẩm chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030                                 | 12/2025                         | UBND Tỉnh     | Sở Công Thương          |
| 18. | Đề án phát triển kinh tế đêm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 | 12/2025                         | UBND Tỉnh     | Sở Công Thương          |